

PHÁP LUẬT VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI TÍCH LỊCH SỬ - THỰC TIỄN TẠI DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA QUỐC GIA TRẦN QUỐC CÔNG BÙI TÁ HÁN

BÙI THANH TÙNG
BÙI THỊ THU
Trường Đại học Thành Đông

Nhận bài ngày 20/7/2026. Sửa chữa xong 11/8/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

This article analyzes the current legal framework governing the preservation and promotion of historical relic values, particularly following the adoption of the Law on Cultural Heritage No. 45/2024/QH15, effective from July 1, 2025. Using field surveys and normative legal analysis at the National Historical and Cultural Relic Site of Grand Marshal Bui Ta Han, the study identifies notable achievements as well as limitations in management mechanisms, the designation of protected areas, and heritage utilization. It proposes comprehensive solutions to improve the legal and institutional framework, strengthen state management capacity, and establish sustainable connections between heritage preservation and local cultural, educational, and tourism development.

Keywords: Cultural heritage law, Grand Marshal Bui Ta Han, heritage management, historical and cultural relics, promotion of relic values, relic preservation.

1. Đặt vấn đề

Di sản văn hóa (DSVH) là sự kết tinh giá trị tinh thần và vật chất được tích tụ qua nhiều thế hệ, đóng vai trò gạch nối giữa quá khứ, hiện tại và tương lai. Trong dòng chảy hội nhập quốc tế, phát triển kinh tế thị trường và sự bùng nổ của công nghệ số, công tác bảo vệ và lan tỏa giá trị DSVH không còn dừng lại ở việc gìn giữ những dấu tích vật chất thụ động. Trái lại, di sản ngày càng được khẳng định là nguồn lực nội sinh quan trọng, một trụ cột phát triển bền vững đóng góp trực tiếp vào sự trưởng thành về văn hóa, xã hội và kinh tế của mỗi địa phương (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021). Để chuyển hóa nguồn tài sản này thành động lực thực tế, việc thiết lập và vận hành một hành lang pháp lý đồng bộ, hiện đại và khả thi là điều kiện tiên quyết. Trong hệ thống di sản của dải đất Trung Bộ, di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Đền thờ và Mộ Trần Quốc Công Bùi Tá Hán (thành phố Quảng Ngãi) sở hữu vị trí đặc biệt. Đây không chỉ là nơi lưu giữ hài cốt và tưởng niệm vị danh tướng có công lớn trong việc mở mang, ổn định vùng đất Thừa Tuyên Quảng Nam vào thế kỷ XVI, mà còn là một không gian văn hóa - tín ngưỡng chứa đựng nhiều tầng giá trị về quân sự, chính trị, ngoại giao và sự hòa hợp dân tộc. Sau quá trình thi công kéo dài, chuỗi dự án tu bổ, tôn tạo toàn diện di tích giai đoạn 2022–2024 đã hoàn thành, trả lại dáng vẻ trang nghiêm cho công trình đúng vào thời điểm Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 vừa được ban hành và chuẩn bị có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Sự trùng hợp giữa một mốc thực tiễn (hoàn thành trùng tu năm 2024) và một mốc thể chế (chuyển giao sang Luật Di sản văn hóa năm 2024) đặt ra yêu cầu cấp thiết phải đánh giá lại toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật tại di tích Bùi Tá Hán. Bài viết hướng tới mục tiêu mổ xẻ cấu trúc hành lang pháp lý hiện hành, soi chiếu trực tiếp vào thực tế quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích Bùi Tá Hán. Qua đó, nghiên cứu không chỉ làm rõ thành tựu và điểm nghẽn pháp lý - vận hành tại cơ sở, mà còn đóng góp các đề xuất có giá trị thực tiễn nhằm hoàn thiện cơ chế, chính sách, giúp di tích phát huy trọn vẹn vai trò là “địa chỉ đỏ” giáo dục truyền thống và điểm tựa cho phát triển du lịch văn hóa bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi.

Email: buithudhbd@gmail.com

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở pháp lý về bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử

2.1.1. Giá trị đặc sắc của Di tích Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán dưới góc độ di sản

Một công trình kiến trúc cổ hay địa điểm lịch sử muốn trở thành di sản được pháp luật bảo hộ trước hết phải mang trong mình những giá trị nội tại vượt trội. Đối với Đền thờ và Mộ Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán, các giá trị này thể hiện ở ba diện mạo cơ bản:

Thứ nhất, giá trị lịch sử - quân sự và quản trị hành chính: Bùi Tá Hán (1496–1568) là nhà quân sự xuất sắc và nhà quản trị tài ba thời Lê Trung Hưng (Nguyễn Công Tấn, 2017). Mốc son lịch sử đậm nét nhất gắn liền với tên tuổi ông là chiến dịch tái chiếm vùng đất Quảng Nam vào năm 1545. Trước sức ép của nhà Mạc, ông triển khai chiến lược "Công tâm vi thượng, Công thành vi hạ" — lấy việc thu phục lòng người, phân hóa hàng ngũ đối phương làm cốt lõi chứ không đặt nặng việc đánh phá thành lũy, gây thương vong cho binh sĩ và dân lành. Nhờ sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa tình báo, vận động binh sĩ và tạo thế bao vây, ông thu phục trọn vẹn Trấn thành Quảng Nam chỉ trong 4 ngày mà không tốn nhiều xương máu (Hoàng Đình Hiếu, 2018). Ngay sau chiến thắng, ông được triều đình giao trọng trách làm Trấn thủ tiên khởi đất Thừa Tuyên Quảng Nam (bao gồm địa giới rộng lớn của các tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định và Đà Nẵng ngày nay) suốt hơn hai thập kỷ (1546–1568). Trên cương vị này, ông đặt nền móng toàn diện cho hệ thống hành chính, chính sách khuyến nông, phát triển kinh tế và ổn định biên giới, tạo tiền đề không thể thiếu cho các đời chúa Nguyễn tiếp tục công cuộc mở cõi về phương Nam (Nguyễn Công Tấn, 2017).

Thứ hai, giá trị văn hóa - xã hội và tư tưởng hòa hợp dân tộc: Không chỉ nổi tiếng bởi tài binh bị, Bùi Tá Hán còn để lại di sản tư tưởng vượt thời đại về chính sách dân tộc. Trong bối cảnh vùng đất mới quản lý có sự sinh sống hỗn hợp giữa người Kinh, người Chăm và các dân tộc thiểu số vùng Tây Nguyên (như Hre, Ba Na, Co...), ông không áp dụng chính sách đồng hóa hay trấn áp bằng vũ lực. Trái lại, ông chủ trương hướng dẫn đồng bào miền núi kỹ thuật làm rẫy, định canh định cư, đồng thời mở các khu chợ giao lưu thương mại tại vùng giáp ranh giữa miền ngược và miền xuôi. Chính sách "vỗ yên dân chúng, khuyến khích thương canh" đem lại sự hòa bình, ổn định lâu dài (Nguyễn Công Tấn, 2017). Sự tôn kính dành cho ông vượt qua ranh giới dòng họ hay dân tộc. Minh chứng rõ nét là tại di tích Điện Trường Bà (huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi), nhân dân các dân tộc thiểu số địa phương vẫn thờ phụng Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán như một vị nhân thần hộ quốc (Phạm Linh, 2019).

Thứ ba, giá trị tín ngưỡng và tính kết nối cộng đồng: Đền thờ và Mộ Trấn Quốc Công tại phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi là trung tâm tâm linh lớn nhất trong mạng lưới các điểm thờ tự ông rải rác từ Nam Trung Bộ đến Nam Bộ (Lý Sơn, Bình Thuận, Phú Quý, TP. Hồ Chí Minh). Hằng năm, vào dịp lễ giỗ của ông (ngày rằm tháng Năm âm lịch) cũng như các ngày lễ lớn, di tích đón tiếp hàng chục ngàn lượt con cháu họ Bùi và du khách thập phương (Như Đồng, 2024). Không gian tín ngưỡng này trở thành sợi dây kết nối cộng đồng bền chặt, nơi trao truyền các bài học về lòng biết ơn và tinh thần "uống nước nhớ nguồn".

2.1.2. Khái quát khung pháp lý hiện hành về bảo tồn và phát huy giá trị di tích

Hệ thống pháp luật về DSVH của Việt Nam được xây dựng và hoàn thiện liên tục qua nhiều thập kỷ, phản ánh sự thay đổi trong tư duy quản lý nhà nước từ coi trọng bảo vệ thuần túy sang kết hợp hài hòa giữa bảo tồn và phát triển.

Nhìn lại lịch sử lập pháp, Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 (Quốc hội, 2001), được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 32/2009/QH12 (Quốc hội, 2009), đã tạo nền tảng pháp lý quan trọng đầu tiên cho việc kiểm kê, xếp hạng, khoanh vùng và triển khai dự án trùng tu di tích trên phạm vi toàn quốc. Tuy nhiên, trước yêu cầu mới của thực tiễn phát triển đô thị, áp lực từ hoạt động du lịch và yêu cầu huy động nguồn lực xã hội, các quy định cũ đã bộc lộ nhiều khoảng trống và tính thiếu đồng bộ.

Để khắc phục các hạn chế đó, ngày 23/11/2024, Quốc hội khóa XV đã chính thức thông qua Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 (có hiệu lực từ 01/07/2025, thay thế Luật năm 2001 và Luật sửa đổi năm 2009). Cấu trúc Luật mới gồm 9 chương, 95 điều, mang đến nhiều thay đổi đột phá:

Chuẩn hóa các hình thức sở hữu di sản (Điều 4 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15): Phân định rõ ba hình thức sở hữu gồm sở hữu toàn dân, sở hữu riêng và sở hữu chung, đảm bảo thống nhất với Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 (Quốc hội, 2015), tạo cơ sở pháp lý minh bạch cho việc xác định quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, đặc biệt đối với di tích gắn liền với dòng họ hoặc cộng đồng.

Tối ưu hóa công tác phân cấp quản lý (Điều 24 Luật Di sản văn hóa năm 2024): Luật phân định thẩm quyền và trách nhiệm cụ thể giữa Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch với UBND cấp tỉnh đối với ba nhóm di tích (cấp tỉnh, cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt), đẩy mạnh tính chủ động cho địa phương.

Siết chặt quy định khoanh vùng bảo vệ (Điều 27 và Điều 28 Luật Di sản văn hóa năm 2024): Quy định rõ ranh giới và nguyên tắc quản lý nghiêm ngặt đối với Khu vực bảo vệ I (yếu tố gốc, bắt buộc giữ nguyên trạng) và Khu vực bảo vệ II (vùng đệm bao quanh). Bất kỳ hoạt động xây dựng hay cải tạo nào trong Khu vực II đều phải trải qua quy trình thẩm định đa ngành khắt khe.

Đổi mới chính sách tài chính và xã hội hóa (Điều 7 Luật Di sản văn hóa năm 2024): Quy định ưu tiên ngân sách cho di tích xuống cấp nghiêm trọng, di tích ở vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, Điều 89 Luật Di sản văn hóa năm 2024 thể chế hóa việc thành lập *Quỹ bảo tồn di sản văn hóa* - Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách nhằm tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ hợp pháp.

Nâng cao hiệu lực cưỡng chế và chế tài xử lý (Điều 9 Luật Di sản văn hóa năm 2024): Quy định chi tiết 13 nhóm hành vi bị nghiêm cấm, từ lấn chiếm, làm thay đổi yếu tố gốc, xây dựng trái phép đến tự ý tu bổ khi chưa có hồ sơ thiết kế được phê duyệt.

Trong giai đoạn chuyển tiếp hiện nay (trước ngày 01/07/2025), việc áp dụng các văn bản dưới luật hiện hành (như Nghị định số 166/2018/NĐ-CP (Chính phủ, 2018b)) vẫn đóng vai trò chủ đạo nhưng phải tuân thủ nguyên tắc chung của Luật Di sản văn hóa năm 2024. Tại địa phương, UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng đã ban hành nhiều quyết định chuyên ngành nhằm phân công trách nhiệm cụ thể cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND thành phố Quảng Ngãi và các đơn vị liên quan.

2.2. Thực trạng áp dụng pháp luật tại di tích Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán

2.2.1. Những kết quả nổi bật trong công tác bảo tồn và phát huy giá trị

Qua hơn 30 năm kể từ ngày được công nhận là DSVH văn hóa cấp Quốc gia theo Quyết định số 168-VH/QĐ ngày 02/03/1990 của Bộ Văn hóa – Thông tin, nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Bộ Văn hóa – Thông tin, 1990), công tác quản lý và áp dụng pháp luật tại di tích Bùi Tá Hán đã ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực.

Thành tựu trong tu bổ, tôn tạo và quản lý hiện vật: Việc xếp hạng cấp quốc gia năm 1990 đưa công trình vào danh mục được bảo vệ theo chế độ đặc biệt. Từ năm 2022 đến 2024, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt và triển khai dự án tu bổ, tôn tạo toàn diện di tích với tổng kinh phí hàng chục tỷ đồng. Đây là hình mẫu thành công của cơ chế “Nhà nước và nhân dân cùng làm”, kết hợp giữa ngân sách địa phương và nguồn lực xã hội hóa mạnh mẽ từ Hội đồng Bùi tộc Việt Nam, Hội đồng Bùi tộc tỉnh Quảng Ngãi cùng đông đảo con cháu dòng họ. Dự án hoàn thành và chính thức khánh thành vào ngày 20/6/2024. Quá trình thi công tuân thủ nghiêm túc các quy định về giữ gìn “yếu tố gốc cấu thành di tích” theo Điều 32 Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10 (Quốc hội, 2001) – văn bản còn hiệu lực tại thời điểm triển khai dự án – và Nghị định số 166/2018/NĐ-CP (Chính phủ, 2018b). Các hạng mục kiến trúc như đền thờ chính, hậu cung, cổng tam quan, nhà bia và khu vực mộ phần đều được gia cố, phục dựng bằng vật liệu truyền thống. Về hiện vật, di tích đang lưu giữ bức tượng gỗ Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán tạc từ thế kỷ XVI - cổ vật vô giá về nghệ thuật và tâm linh. Dịp Lễ giỗ lần thứ 456 (năm 2024), dòng họ Bùi đã bàn giao 4 phụ bản sắc phong quý giá cho Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Quảng Ngãi để lưu giữ và trưng bày (Như Đồng, 2024).

Kiến tạo toàn bộ máy quản lý và mô hình phối hợp cộng đồng: Ban Quản lý Di tích Đền thờ và Mộ Trấn Quốc Công Bùi Tá Hán được thành lập, hoạt động dưới sự chỉ đạo chuyên môn của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và sự quản lý hành chính của chính quyền địa phương. Điểm sáng nổi bật là mô hình

phối hợp nhịp nhàng giữa Ban Quản lý chuyên trách với Hội đồng Bùi tộc tỉnh Quảng Ngãi. Mô hình này vừa bảo đảm tính pháp lý của Nhà nước, vừa phát huy tinh thần tự nguyện, trách nhiệm của cộng đồng dòng họ - những chủ thể văn hóa trực tiếp gắn bó với di tích.

Khai thác giá trị di tích gắn với giáo dục truyền thống và du lịch: Lễ giỗ Trần Quốc Công vào rằm tháng Năm âm lịch được tổ chức trang trọng, đúng quy định của Luật Tín ngưỡng, tôn giáo số 02/2016/QH14 (Quốc hội, 2016) và Nghị định số 110/2018/NĐ-CP về quản lý và tổ chức lễ hội (Chính phủ, 2018a). Di tích trở thành “địa chỉ đỏ” quen thuộc trong chương trình giáo dục di sản địa phương. Đồng thời, ngành du lịch Quảng Ngãi đã chủ động đưa di tích vào mạng lưới tuyến du lịch tâm linh - văn hóa kết nối với Đảo Lý Sơn, Khu chứng tích Sơn Mỹ, Di tích Sa Huỳnh và Di tích Điện Trường Bà (Trà Bồng).

2.2.2. Những tồn tại, hạn chế và điểm nghẽn pháp lý - vận hành

Bên cạnh thành tựu, thực tiễn quản lý và áp dụng pháp luật tại di tích Bùi Tá Hán vẫn đang đối mặt với không ít vướng mắc. Các bất cập cốt lõi được tổng hợp trong bảng dưới đây

Bảng tổng hợp các nút thắt pháp lý - vận hành và nguyên nhân cốt lõi tại di tích Bùi Tá Hán

Nhóm hạn chế	Biểu hiện thực tiễn tại di tích	Nguyên nhân cốt lõi
1. Tồn tại về khoanh vùng & thể chế	- Cấm mốc ranh giới Khu vực I & II chưa hoàn tất ngoài thực địa. - Áp lực đô thị hóa gia tăng xung quanh di tích. - Lúng túng trong giai đoạn chuyển tiếp Luật 2001 sang Luật 2024.	- Thiếu quy hoạch tổng thể đồng bộ. - Phối hợp liên ngành (văn hóa, tài nguyên, quy hoạch) chưa chặt chẽ. - Chờ văn bản hướng dẫn chi tiết Luật 2024.
2. Hạn chế về tài chính & hạ tầng	- Kinh phí ngân sách cấp cho bảo trì hằng năm rất khiêm tốn. - Phụ thuộc lớn vào đóng góp tự nguyện của dòng họ. - Hạ tầng phụ trợ (bãi xe, nhà trưng bày, vệ sinh) chưa tương xứng.	- Ngân sách nhà nước phân bổ cho bảo trì còn eo hẹp. - Phụ thuộc nhiều vào huy động xã hội hóa theo chiến dịch. - Thiếu cơ chế tài chính linh hoạt tại cơ sở.
3. Thiếu hụt nhân lực & công nghệ	- Bộ máy quản lý chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm hoặc tự nguyện. - Chưa ứng dụng số hóa 3D, mã QR đa ngôn ngữ, cơ sở dữ liệu số.	- Thiếu chính sách đãi ngộ và đào tạo chuyên sâu. - Nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số di sản còn hạn chế.
4. Rời rạc trong kết nối mạng lưới	- Thiếu sự liên kết giữa các điểm thờ tự Bùi Tá Hán rải rác ở Quảng Nam, Bình Thuận, TP.Hồ Chí Minh... - Hoạt động du lịch còn mang tính đơn lẻ, khép kín.	- Thiếu cơ chế hợp tác văn hóa - du lịch liên tỉnh. - Chưa kích hoạt được vai trò làm chủ của toàn thể cộng đồng dân cư xung quanh.

Nguồn: Phân tích của tác giả

Phân tích cụ thể các điểm nghẽn:

Thứ nhất, nút thắt về khoanh vùng bảo vệ và thể chế quản lý: Mặc dù di tích được xếp hạng cấp quốc gia từ năm 1990, công tác lập hồ sơ ranh giới và cấm mốc khoanh vùng bảo vệ (Khu vực I và II) ngoài thực địa chưa hoàn tất triệt để. Do nằm trong khu vực đô thị hóa nhanh của thành phố Quảng Ngãi, không gian cảnh quan chịu áp lực gia tăng từ các hoạt động xây dựng nhà ở của dân cư. Việc thiếu cột mốc ranh giới rõ ràng khiến công tác kiểm tra, xử lý hành vi vi phạm trật tự xây dựng hoặc lấn chiếm đất đai gặp khó khăn. Ngoài ra, trong giai đoạn chuyển tiếp, khi các văn bản hướng dẫn Luật Di sản văn hóa năm 2024 chưa ban hành đầy đủ, địa phương còn lúng túng trong việc thẩm định dự án thành phần và áp dụng cơ chế tài chính mới.

Thứ hai, hạn chế về nguồn lực tài chính duy tu và hạ tầng kỹ thuật: Dự án trùng tu giai đoạn 2022–2024 mới giải quyết được phần kiến trúc cốt lõi. Nguồn kinh phí ngân sách cấp hằng năm cho bảo trì, chống mối mọt, vệ sinh môi trường định kỳ còn hạn chế, phụ thuộc lớn vào sự tự nguyện của con cháu dòng họ Bùi. Hạ tầng phụ trợ xung quanh di tích chưa đồng bộ: thiếu bãi đỗ xe ô tô cho các đoàn khách lớn, chưa có nhà trưng bày chuyên đề hoặc trung tâm thuyết minh tiệm cận chuẩn mực.

Thứ ba, sự thiếu hụt nhân lực chuyên môn và công nghệ số: Đội ngũ quản lý trực tiếp chủ yếu hoạt động kiêm nhiệm hoặc dựa vào các vị cao niên trong dòng họ. Lực lượng này dù am hiểu lịch sử nhưng thiếu kỹ năng nghiệp vụ chuyên sâu về bảo tồn - bảo tàng, thuyết minh chuyên nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin. Công tác chuyển đổi số còn sơ khai: chưa có hệ thống số hóa 3D, chưa triển khai mã QR tra cứu thông tin đa ngôn ngữ và thiếu kênh truyền thông hiện đại.

Thứ tư, sự rời rạc trong kết nối mạng lưới di sản liên tỉnh: Bùi Tá Hán là danh nhân có ảnh hưởng tầm khu vực, với hệ thống đền thờ rải rác ở Quảng Ngãi, Quảng Nam, Bình Thuận (Phú Quý), TP. Hồ Chí Minh... Tuy nhiên, chưa có cơ chế hợp tác liên tỉnh hay chương trình liên kết vùng chính thức nhằm kết nối các điểm di tích thành chuỗi hành trình di sản thống nhất, làm giảm hiệu ứng lan tỏa giá trị của di sản.

2.3. Hệ thống giải pháp và kiến nghị nhằm hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu quả bảo tồn

Để khắc phục các hạn chế trên, đưa các quy định của Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 thực sự đi vào đời sống, cần triển khai đồng bộ hệ thống giải pháp ở ba cấp độ:

2.3.1. Kiến nghị đối với các cơ quan Trung ương (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Chính phủ)

Thứ nhất, khẩn trương hoàn thiện hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa năm 2024: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cùng các Bộ, ngành liên quan cần đẩy nhanh tiến độ trình Chính phủ ban hành các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 trước mốc thời gian ngày 01/07/2025. Trong đó, tập trung làm rõ: 1) Quy trình, tiêu chuẩn kỹ thuật đối với việc lập, thẩm định và phê duyệt dự án tu bổ, phục hồi di tích; 2) Quy định chi tiết cơ chế phân cấp quản lý và khoanh vùng bảo vệ di tích trong khu vực đô thị hóa cao; 3) Ban hành văn bản hướng dẫn riêng về cơ chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị nhóm di tích danh nhân lịch sử có mạng lưới không gian thờ tự rải rác liên tỉnh.

Thứ hai, hiện thực hóa các chính sách tài chính và chuyển đổi số di sản: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cần phối hợp với Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn chi tiết việc thành lập, quản trị và sử dụng *Quỹ bảo tồn di sản văn hóa* theo Điều 89 Luật Di sản văn hóa năm 2024. Cần tạo hành lang pháp lý linh hoạt để huy động nguồn tài trợ xã hội hóa hợp pháp, đồng thời cho phép trích lại tỷ lệ phần trăm hợp lý từ nguồn thu vé tham quan hoặc dịch vụ du lịch để phục vụ tái đầu tư di tích tại cơ sở. Đồng thời, đẩy nhanh tiến độ xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về DSVH, có chương trình hỗ trợ kỹ thuật và kinh phí cho các địa phương quét 3D, số hóa hiện vật, tư liệu sắc phong và ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR/AR).

2.3.2. Giải pháp đối với cấp tỉnh (Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và các Sở, ngành liên quan)

Thứ nhất, chuẩn hóa công tác quy hoạch, khoanh vùng và cắm mốc ranh giới: UBND tỉnh Quảng Ngãi cần sớm ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích Đền thờ và Mộ Trần Quốc Công Bùi Tá Hán phù hợp với Luật Di sản văn hóa năm 2024. Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và UBND thành phố Quảng Ngãi đo đạc, lập bản đồ địa chính ranh giới, phê duyệt và tổ chức cắm mốc giới cụ thể ngoài thực địa cho cả Khu vực bảo vệ I và II. Tích hợp ranh giới bảo vệ di tích vào Quy hoạch chung phát triển đô thị thành phố Quảng Ngãi; siết chặt thẩm định cấp phép xây dựng đối với hộ dân xung quanh vùng đệm, kiên quyết xử lý hành vi lấn chiếm.

Thứ hai, phân bổ nguồn lực ngân sách và đầu tư hạ tầng phụ trợ: Hằng năm, HĐND và UBND tỉnh cần cân đối phân bổ khoản kinh phí định kỳ từ ngân sách dành riêng cho bảo dưỡng, phòng trừ mối mọt, chống xuống cấp và diễn tập phòng cháy chữa cháy tại di tích. Ưu tiên quỹ đất và vốn đầu tư công để mở rộng giao thông kết nối, xây dựng bãi đỗ xe chuẩn mực, nhà đón tiếp khách kết hợp không gian trưng bày thân thế - sự nghiệp Trần Quốc Công và hệ thống vệ sinh đạt chuẩn.

Thứ ba, đẩy mạnh liên kết vùng và đưa di sản vào giáo dục địa phương: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi cần làm cầu nối, phối hợp với ngành Văn hóa các tỉnh Quảng Nam, Bình Thuận, TP. Hồ Chí Minh xây dựng Đề án liên kết phát triển tuyến du lịch di sản danh nhân Bùi Tá Hán. Lồng ghép điểm di tích vào các tour trọng điểm: Lý Sơn - Sa Huỳnh - Đền thờ Bùi Tá Hán - Điện Trường Bà. Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục hoàn thiện nội dung về danh nhân Bùi Tá Hán trong tài liệu Giáo dục địa phương; phối hợp xây dựng chương trình "Giờ học lịch sử tại di sản", khuyến khích học sinh tham quan, học tập và chăm sóc di tích định kỳ.

2.3.3. Giải pháp đối với Ban Quản lý Di tích và Cộng đồng địa phương

Thứ nhất, chuyên nghiệp hóa công tác vận hành và ứng dụng công nghệ: Ban Quản lý di tích cần ban hành nội quy, quy trình đón tiếp, thuyết minh và bảo quản hiện vật theo tiêu chuẩn nghiệp vụ bảo tàng. Lắp đặt hệ thống camera giám sát tự động 24/7 và cảnh báo cháy sớm. Phối hợp với đơn vị

công nghệ triển khai gắn mã QR Code tại các công trình kiến trúc và hiện vật tiêu biểu (tượng gỗ cổ, sắc phong, văn bia), giúp du khách tra cứu thông tin song ngữ Việt - Anh. Xây dựng và duy trì các kênh truyền thông chính thức (Website, Fanpage) để quảng bá di tích.

Thứ hai, phát huy sức mạnh nội sinh của dòng họ và cộng đồng dân cư: Củng cố mô hình phối hợp giữa Ban Quản lý di tích với Hội đồng Bùi tộc các cấp. Tuyên truyền, vận động con cháu dòng họ tích cực sưu tầm, hiến tặng tư liệu, cổ vật liên quan đến Trần Quốc Công. Lễ giỗ hàng năm (rằm tháng Năm âm lịch) cần duy trì tổ chức trang trọng, chuẩn hóa nghi thức tâm linh, mở rộng các hoạt động hội (trò chơi dân gian, biểu diễn nghệ thuật) để thu hút du khách, biến lễ giỗ thành sự kiện văn hóa - du lịch điểm nhấn của thành phố.

Thứ ba, hướng tới mô hình phát triển bền vững và “Cộng đồng giám sát di sản”: Mọi hoạt động phát triển du lịch hay xã hội hóa phải tuân thủ nguyên tắc tối thượng: Bảo vệ nguyên vẹn yếu tố gốc và không thương mại hóa di sản. Cần phân luồng, điều tiết lượng khách trong các ngày cao điểm để tránh gây áp lực vượt tải lên không gian kiến trúc gỗ của đền thờ. Đẩy mạnh tuyên truyền người dân xung quanh tham gia mô hình “Cộng đồng giám sát di sản”. Khi người dân ý thức việc giữ gìn di tích mang lại lợi ích về môi trường sống và kinh tế du lịch cho chính họ, họ sẽ trở thành những “cột mốc sống” bảo vệ di tích hiệu quả nhất.

3. Kết luận

Di sản văn hóa văn hóa quốc gia Đền thờ và Mộ Trần Quốc Công Bùi Tá Hán là tài sản vật thể và tinh thần vô giá, biểu tượng cho tinh thần tự hào, sức mạnh đại đoàn kết và truyền thống mở cõi của vùng đất Quảng Nam - Quảng Ngãi. Bảo tồn di tích không chỉ là bảo vệ kiến trúc đền thờ hay bức tượng gỗ cổ trước tác động của thời gian, mà cốt lõi là hành trình gìn giữ bản sắc văn hóa, nuôi dưỡng ký ức lịch sử và giáo dục lòng yêu nước cho các thế hệ. Sự ra đời của Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 đánh dấu bước tiến quan trọng trong hoàn thiện thể chế pháp lý, mở ra cơ hội mới nhưng cũng đặt ra không ít thách thức đối với công tác quản lý tại cơ sở. Để các quy định pháp luật thực sự phát huy hiệu lực trên thực địa di tích Bùi Tá Hán, đòi hỏi sự vào cuộc đồng bộ, quyết liệt của các cơ quan quản lý nhà nước Trung ương và địa phương, sự chuyên nghiệp của Ban Quản lý di tích, cùng việc phát huy tối đa sức mạnh nội sinh từ cộng đồng dòng họ Bùi và nhân dân địa phương. Làm tốt công tác bảo tồn gắn với phát huy giá trị theo chuẩn mực pháp lý hiện đại sẽ là chìa khóa vàng giúp Di tích Trần Quốc Công Bùi Tá Hán vừa giữ trọn tính nguyên vẹn, linh thiêng, vừa trở thành động lực văn hóa - kinh tế du lịch phát triển bền vững, xứng tầm với những đóng góp to lớn của vị Trần Quốc Công đối với lịch sử dân tộc.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Văn hóa – Thông tin (1990). *Quyết định số 168-VH/QĐ ngày 02/3/1990 về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa cấp quốc gia*.
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2021). *Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam trong bối cảnh phát triển bền vững*. NXB Văn hóa Dân tộc.
- Chính phủ (2018a). *Nghị định số 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 quy định về quản lý và tổ chức lễ hội*.
- Chính phủ (2018b). *Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh*.
- Hoàng Đình Hiếu (2018). *Bùi Tá Hán và cuộc hành quân tái chiếm Quảng Nam*. <https://buitoc.vn/tu-lieu-lich-su/tu-lieu-van-ban/bui-ta-han-va-cuoc-hanh-quan-tai-chiem-quang-nam.html>.
- Nguyễn Công Tấn (2017). *Danh nhân Bùi Tá Hán trong lịch sử xứ Quảng*. NXB Đà Nẵng.
- Như Đồng (2024). *Lễ giỗ 456 năm ngày mất của Trần Quốc Công Bùi Tá Hán*. <https://baovanhoa.vn/van-hoa/le-gio-456-nam-ngay-mat-cua-tran-quoc-cong-bui-ta-han-97056.html>.
- Phạm Linh (2019). *Trần Quốc công Bùi Tá Hán – Người có công với miền đất Quảng*. <https://vnexpress.net/tran-quoc-cong-bui-ta-han-nguoi-co-cong-voi-mien-dat-quang-3802505.html>.
- Quốc hội (2001). *Luật Di sản văn hóa*. Luật số 28/2001/QH10 ngày 29/6/2001.
- Quốc hội (2009). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa*. Luật số 32/2009/QH12 ngày 18/6/2009.
- Quốc hội. (2015). *Bộ luật Dân sự*. Luật số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015.
- Quốc hội (2016). *Luật Tín ngưỡng, tôn giáo*. Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016.
- Quốc hội (2024). *Luật Di sản văn hóa*. Luật số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024.